

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022 LD-PT
Ngày: 18 - 7 – 2022
V/v Tranh chấp tiền trợ cấp mất việc làm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh.

Bà Châu Minh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 15 và 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 02/2022/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp tiền trợ cấp mất việc làm”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Minh T1, sinh năm 1962;

Cư trú tại: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Hồ Nguyên L, Công ty Luật TNHH MTV Luật Tín Nghĩa, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 384/8B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị đơn:* Cơ quan T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 11-13, đường 1/5, khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh C .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Quang Ph – chức vụ Giám Đốc

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982; Cư trú tại: Số 2129/29/1 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 28/4/2022), (có mặt)

Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1984; chức vụ: Trưởng phòng hành chính nhân sự Cơ quan T tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Số 11-13, đường 1/5, khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

2/ Bà Lê Thanh T2, sinh năm 1978; chức vụ: Phó trưởng phòng hành chính nhân sự Cơ quan T tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Số 11-13, đường 1/5, khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Đinh Minh T1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Minh T1 trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:

Ông T1 làm việc từ tháng 12/1980 tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau. Đến tháng 12 năm 2012 ông làm việc tại Cơ quan T tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Cơ quan T) theo Hợp đồng lao động ký kết ngày 12/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 05/PLHĐLD-QĐTPT ngày 15/7/2020. Tiền lương của ông hàng tháng theo bảng lương là gồm lương cơ bản và lương kinh doanh là 13.239.000 đồng thể hiện rõ trong bảng lương.

Ngày 23/11/2020 Cơ quan T ban hành Quyết định số 32/QĐ-QĐTPT về việc cho ông thôi việc từ ngày 01/12/2020. Tại bảng tính chế độ thôi việc đã xác định ông có 32,5 năm công tác được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm. Tuy nhiên, khi giải quyết chính sách cho người lao động mất việc làm thì Cơ quan T chỉ đồng ý mức trợ cấp mất việc làm cho ông là 6.954.100đ/tháng (theo lương căn bản).

Cơ quan T chỉ trả cho ông theo mức lương cơ bản 6.954.100đ/tháng là không đúng quy định pháp luật, Cơ quan T phải chi trả tiền trợ cấp mất việc làm cho ông căn cứ theo mức tiền lương đã thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng lao động gồm tổng 02 khoản lương là: Lương cơ bản và lương kinh doanh (trong đó hàng tháng người lao động được trả lương kinh doanh theo mức tạm ứng là 80%) tiền lương thực lãnh của 06 tháng trước khi ông mất việc làm là 13.239.000 đồng.

Đến cuối năm kết quả hoạt động kinh doanh được phê duyệt người lao động sẽ được trả thêm 20% phần còn lại. Theo đó, Cơ quan T phải chi trả trợ cấp mất việc làm cho ông như sau: $32,5 \text{ năm} \times 13.239.000\text{đ} = 430.267.500 \text{ đồng}$. Cơ quan T đã chuyển trả cho ông số tiền 226.008.250 đồng. Như vậy, Cơ quan T còn phải trả tiếp cho ông số tiền 204.259.250 đồng.

Do tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được phê duyệt là 16.549.417 đồng, nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông yêu cầu bổ sung buộc Cơ quan T phải trả thêm mức trợ cấp còn thiếu là

16.549.417- 13.239.000 đồng = 3.309.893 đ x 32, 5 năm = 107.571.522 đồng.
Tổng số tiền ông yêu cầu Cơ quan T tỉnh Cà Mau tỉnh Cà Mau tiếp tục trả cho ông là 331.830.772 đồng.

Tại phiên tòa ông T1 cũng xác định hiện đã nhận đầy đủ tiền bảo hiểm thất nghiệp từ Bảo hiểm xã hội tỉnh Cà Mau và hiện đang chờ đủ tuổi để làm thủ tục hưởng lương hưu theo quy định.

Dại diện bị đơn Cơ quan T tỉnh Cà Mau tỉnh Cà Mau trình bày:

Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do:

Cơ quan T tỉnh Cà Mau là tổ chức tài chính Nhà nước được tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập. Cơ quan T xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, theo các quy định áp dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Cơ quan T có ký hợp đồng lao động đối với ông Đinh Minh T1 theo Hợp đồng lao động ký kết ngày 12/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 05/PLHDLĐ-QĐTPT ngày 15/7/2020. Đến ngày 01/9/2020 Cơ quan T ban hành Thông báo số 126/TB-QĐTPT về việc cho ông T1 thôi việc vì lý do "sắp xếp lại vị trí việc làm". Ngày 23/11/2020 Cơ quan T ban hành Quyết định số 32/QĐ-QĐTPT về việc cho ông T1 thôi việc từ ngày 01/12/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý QĐT phát triển tỉnh Cà Mau tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQLQ ngày 05/6/2017 của Hội đồng Quản lý Cơ quan T là Lương cơ bản (mức lương chuyên xếp theo thang, bảng lương của Cơ quan T để trả cho người lao động và thực hiện BHXH, BHYT, BH nghề nghiệp, giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật). Do đó, Cơ quan T xác định tiền lương làm căn cứ chi trả trợ cấp mất việc làm và đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc cho ông T1 là mức lương cơ bản theo phụ lục hợp đồng lao động đã ký kết.

Còn đối với tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh là không ổn định, phụ thuộc vào các yếu tố sau: Báo cáo tài chính năm của Cơ quan T đã được kiểm toán; ý kiến chấp thuận báo cáo chênh lệch thu chi của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Cơ quan T địa phương; Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014; Kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm của từng người lao động do Ban Giám đốc đánh giá để xác định số điểm tính lương theo kết quả kinh doanh của từng cá nhân được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 29/QĐ-QĐTPT ngày 08/11/2019 của Giám đốc Cơ quan T tỉnh Cà Mau. Do đó, tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh là không ổn định, không làm căn cứ để tính trợ cấp mất việc làm và đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp mất việc làm là: Bình quân 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động được quy định tại khoản 1 Điều 8, Thông tư số 47/2015/TT-BTBXH ngày 16/11/2015 của ông T1 trước khi ông T1 mất việc làm là 6.954.100 đồng/tháng.

Thời gian ông T1 làm việc tại Cơ quan T bắt đầu từ tháng 12/2012 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/11/2020 là 07 năm 11 tháng. Trừ đi thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho ông T1 là 07 năm 11 tháng = 0 tháng. Tuy nhiên, căn cứ theo sổ bảo hiểm xã hội ông T1 làm việc từ năm 1980 đến khi chấm dứt công việc là ngày 30/11/2020, tổng thời gian làm việc là 40 năm, trừ đi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 07 năm 11 tháng. Cơ quan T đã chi trả trợ cấp mất việc làm cho ông T1: $32,5 \text{ năm} \times 6.954.100\text{đ} = 226.008.250 \text{ đồng}$ và bị đơn đã trả xong toàn bộ số tiền trên cho ông T1. Nay tại phiên tòa Cơ quan T xác định 226.008.250 đồng đã chi trả nói trên là tiền Cơ quan T hỗ trợ cho người lao động mất việc làm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Nguyên L trình bày:

Ông Đinh Minh T1 làm việc tại Cơ quan T tỉnh Cà Mau theo Hợp đồng lao động ngày 12/12/2012 và phụ lục hợp đồng lao động số 05/PLHĐLD –QĐTPT ngày 15/7/2020. Tuy nhiên, tại bảng tính trợ cấp mất việc làm kèm theo Quyết định số 32/QĐ-QĐTPT ngày 23/11/2020 của Cơ quan T xác định ông T1 có thời gian làm việc liên tục từ năm 1980 đến khi chấm dứt công việc là ngày 30/11/2020. Tổng Thời gian làm việc là 40 năm, trong đó thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 07 năm 11 tháng. Nên thời gian làm căn cứ tính trợ cấp mất việc làm của ông T1 là 32 năm 01 tháng, làm tròn 32,5 năm (theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật lao động và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 05/2015 /NĐ –CP).

Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Bộ Luật lao động là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc. Cho nên căn cứ vào phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐLD –QĐTPT ngày 15/7/2020 lương ông T1 được hưởng gồm: Lương cơ bản là 6.954.100 đồng; phụ cấp (nếu có); và tiền lương theo hoạt động kinh doanh. Tại các bảng lương từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2020 của Cơ quan T xác định: Lương căn bản của ông T1 là 6.954.100 đồng, lương theo kết quả hoạt động kinh doanh 6.285.434 đồng; lương thực lãnh 80% mức được duyệt là 13.239.534 đồng; Do đó, tiền lương trợ cấp mất việc làm mà ông T1 được hưởng là $32,5 \text{ năm} \times 13.239.000 \text{ đồng} = 430.267.500 \text{ đồng}$. Cơ quan T đã chuyển trả cho ông T1 số tiền 226.008.250 đồng. Như vậy, Cơ quan T chưa chi trả đủ cho người lao động nên Cơ quan T còn phải trả cho ông T1 tiếp số tiền 204.259.250 đồng.

Ngoài ra, do tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh đã được phê duyệt năm 2020 là 16.549.417 đồng, nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T1 yêu cầu bổ sung buộc Cơ quan T phải trả thêm mức trợ cấp còn thiếu là $16.549.417 - 13.239.000 \text{ đồng} = 3.309.893 \text{ đồng} \times 32,5 \text{ năm} = 107.571.522 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông T1 yêu cầu Cơ quan T tỉnh Cà Mau tiếp tục có trách nhiệm thanh toán là 331.830.772 đồng. Yêu cầu trên của ông T1 là phù hợp và đúng quy định tại Điều 49 Bộ luật lao động.

Tại bản án sơ thẩm lao động số 01/2022/ST-LĐ ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh T1 về việc yêu cầu Cơ quan T tỉnh Cà Mau tiếp tục trả cho ông tiền trợ cấp mất việc làm là 331.830.772 đồng.

Án phí lao động sơ thẩm ông Đinh Minh T1 được miễn nộp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/3/2022 ông Đinh Minh T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đinh Minh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

Cơ quan T tỉnh Cà Mau yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Mức lương theo hoạt động kinh doanh không nằm trong danh mục được miễn đóng BHXH như quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH. Thực tế mức lương của ông T1 là 16.549.417 đồng/tháng, nhưng Cơ quan T chỉ trích đóng BHXH là 6.594.100 đồng, đây là sai sót của Cơ quan T, gây thiệt hại cho người lao động. Cấp sơ thẩm nhận định mức trợ cấp mất việc làm chỉ tính trên mức đóng 6.594.100 đồng/tháng vừa sai theo quy định Điều 90 BLLĐ năm 2012, Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP.

Tại phụ lục hợp đồng giữa Cơ quan T và ông T1 ký kết lương kinh doanh của ông T1 thực lãnh là 16.549.417 đồng/tháng, nhưng Cơ quan T chỉ trả trợ cấp cho ông T1 là 6.954.100 đồng/tháng là không đúng theo điểm đ khoản 2 Điều 6 BLLĐ.

Như phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm buộc Cơ quan T trả trợ cấp mất việc cho ông T1 như sau: $32,5 \text{ năm} \times 13.239.000 \text{ đồng} = 430.267.500 \text{ đồng}$. Cơ quan T đã trả cho ông T1 số tiền 226.008.250 đồng. Như vậy Cơ quan T còn phải chuyển tiếp cho ông T1 số tiền 204.259.250 đồng. Tiếp tục buộc Cơ quan T trả bổ sung tiền trợ cấp mất việc làm theo kết quả hợp đồng được duyệt năm 2020 là 16.549.417 đồng, thì mức trợ cấp còn thiếu là $16.549.417 - 13.239.000 \text{ đồng} = 3.309.893 \text{ đồng}$

Số tiền trợ cấp mất việc bổ sung là $32,5 \text{ năm} \times 3.309.893 \text{ đồng} = 107.571.522 \text{ đồng}$.

Vì vậy Cơ quan T phải trả thêm cho ông T1 là $(1) + (2) = 311.830.772 \text{ đồng}$

Ý kiến tranh luận của đại diện hợp pháp bị đơn:

Vốn của Cơ quan T là vốn ngoài ngân sách nhà nước, thời gian làm việc của ông T1 tại Cơ quan T từ năm 2012 đến 2020.

Căn cứ vào Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Quy chế trả lương, Quyết định của Hội đồng quản lý Cơ quan T thực hiện trả đối với người lao động và căn cứ vào mức đóng BHXH để trả tiền trợ cấp mất việc cho người lao động.

Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp mất việc là tiền lương bình quân 6 tháng tiền lương lên kể theo hợp đồng lao động được quy định tại Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015. Do đó mức lương được tính trả trợ cấp mất việc cho ông T1 là 6.954.100 đồng là đúng theo quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Minh T1. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Minh T1 còn trong hạn luật định.

Về thời gian căn cứ tính trợ cấp mất việc làm của ông T1 là 32 năm 01 tháng, được tính tròn 32,5 năm theo quy định khoản 2 điều 49 Bộ luật lao động.

Tại các bảng lương từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2020 của Cơ quan T xác định: Lương căn bản của ông T1 là 6.954.100 đồng, lương theo kết quả hoạt động kinh doanh 6.285.434 đồng; lương thực lãnh 80% mức được duyệt là 13.239.534 đồng; theo ông T1 kháng cáo, tiền lương trợ cấp mất việc làm mà ông T1 được hưởng là 32,5 năm x 13.239.000 đồng = 430.267.500 đồng. Cơ quan T đã chuyển trả cho ông T1 số tiền 226.008.250 đồng. Ông T1 cho là phải tính trên số tiền lương ông thực lãnh hàng tháng. Ngoài ra, do tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh đã được phê duyệt năm 2020 là 16.549.417 đồng/người/tháng, nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T1 yêu cầu bổ sung buộc Cơ quan T phải trả thêm mức trợ cấp còn thiếu là 16.549.417-13.239.000 đồng = 3.309.893 đ x 32,5 năm = 107.571.522 đồng. Tổng số tiền ông T1 yêu cầu Cơ quan T tỉnh Cà Mau tỉnh Cà Mau tiếp tục có trách nhiệm thanh toán là 331.830.772 đồng.

Như vậy vấn đề tranh chấp cần được xem xét giải quyết là khoản tiền lương được trả trợ cấp mất việc cho ông T1 là mức lương thực lãnh hay mức lương cơ

bản theo hợp đồng. Xét tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp mất việc làm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Bộ Luật lao động tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là “*Tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm*”.

Căn cứ vào bảng lương 06 tháng liền kề trước khi ông T1 thôi việc thì mỗi tháng ông T1 được hưởng các khoản tiền lương bao gồm: Hệ số lương theo phụ lục Hợp đồng số 05/PLHĐLĐ-QĐTPT ngày 15/7/2020, lương cơ bản là 6.954.100 đồng, mức lương cơ bản này thực hiện đóng BHXH, BHYT, BH nghề nghiệp, giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật; còn cột tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh trong bảng lương mỗi tháng là khoản tiền Cơ quan T tạm ứng trả cho người lao động gọi là lương kinh doanh. Đây là khoản tiền lương mà người lao động chỉ được hưởng khi Cơ quan T hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Đến cuối năm người lao động được hưởng còn căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm của từng người lao động do Ban Giám đốc đánh giá để xác định số điểm tính lương theo kết quả kinh doanh của từng cá nhân, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 29/QĐ-QĐTPT ngày 08/11/2019 của Giám đốc Cơ quan T tỉnh Cà Mau. Mặc dù lương kinh doanh được thể hiện tại phụ lục Hợp đồng lao động số 05/PLHĐLĐ-QĐTPT ngày 15/7/2020 nhưng khoản bổ sung này không xác định mức tiền cụ thể, tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh là không ổn định, không làm căn cứ để tính đóng BHXH, BHYT, BH nghề nghiệp, giải quyết các quyền lợi khác theo quy định pháp luật, trong đó có trợ cấp mất việc làm là có căn cứ.

Đối với Cơ quan T tỉnh Cà Mau căn cứ vào quy chế quản lý được phê duyệt, tiền lương theo kết quả hoạt động kinh doanh là không ổn định nên không làm căn cứ để tính trợ cấp mất việc và đây là khoản tiền trợ cấp của người sử dụng lao động cho người lao động không phải trả tiền lương. Xét thấy việc tính trả trợ cấp thôi việc, mất việc phải căn cứ vào Bộ luật lao động hiện hành qui định, cho nên lời trình bày này là có cơ sở.

Như vậy mức lương bình quân 6 tháng của ông T1 thực nhận: Từ tháng 6 đến tháng 11 (6.954.100 đồng + 6.954.100 đồng + 6.954.100 đồng + 6.954.100 đồng + 6.954.100 đồng + 6.954.100 đồng) : 6 = 6.954.100 đồng

Thời gian được tính là 32,5 năm x 6.954.100 đồng = 226.008.250 đồng số tiền này Cơ quan T đã chi trả cho ông T1 xong.

Do đó yêu cầu của ông T1 buộc Cơ quan T tỉnh Cà Mau trả tiếp số tiền 311.830.772 đồng là không có cơ sở. Tại phiên tòa người kháng cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo.

Từ các phân tích trên giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/LĐ-ST ngày 14/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[3]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp với các phân tích trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Ông T1 không phải nộp, đã được miễn dự nộp theo quy định. Cơ quan T không phải nộp.

Án phí phúc thẩm: Ông T1 được miễn nộp

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Minh T1.

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh T1 về việc yêu cầu Cơ quan T tỉnh Cà Mau tiếp tục trả cho ông tiền trợ cấp mất việc làm là 331.830.772 đồng.

Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Đinh Minh T1 được miễn nộp.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Dương Hùng Quang